

Số /QĐ-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hoa Lư;

Căn cứ Quyết định số 1731 ngày 13/5/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học năm 2026 đối với Trường Đại học Hoa Lư;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-ĐHHL ngày 21/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hoa Lư;

Theo đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh chính quy năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026” của Trường Đại học Hoa Lư.

Điều 2. Thông tin tuyển sinh được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và được công bố trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển đúng thời hạn theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2026, các đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu VT, HĐTS.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026**Hình thức đào tạo: Chính quy**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHHL ngày tháng 5 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Hoa Lư
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DNB
- 3. Địa chỉ:** Đường Xuân Thành, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://hluv.edu.vn/vi>
- 5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh:**
<http://hluv.edu.vn/vi/tuyen-sinh>
- 6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0229.3892.701; 0938432640
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường:**
<http://hluv.edu.vn/vi/html/ba-cong-khai/999>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển và phạm vi tuyển sinh**

1.1. Đối tượng dự tuyển: Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định (Trường có quy định cụ thể đối với từng phương thức, ngành tuyển sinh);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, Hiệu trưởng xem xét, quyết định việc cho theo học ngành học phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

1.3. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và Lưu học sinh Lào

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (Mã phương thức: 100)

- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành
- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên.
- Điểm ưu tiên (gồm điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên theo khu vực) được xác định theo quy định tại Điều 7 Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, được làm tròn đến hàng phần trăm.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau:

+ **Đối với các ngành ngoài sư phạm** (*Kế toán, Quản trị kinh doanh, Du lịch, Công nghệ thông tin*): Tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc kỳ thi trung học nghề (đối với đối tượng trung học nghề) năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

+ **Đối với các ngành đào tạo giáo viên** (*Sư phạm Toán học, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non*): Bộ GDĐT quy định và Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

2.2. Xét kết quả học tập cấp THPT (Mã phương thức: 200)

- Ngành xét tuyển: Các ngành ngoài sư phạm (*Kế toán, Quản trị kinh doanh, Du lịch, Công nghệ thông tin*) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026.

- Sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12.

- Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên;

- Điểm ưu tiên (gồm điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách và điểm ưu tiên theo khu vực) được xác định theo quy định tại Điều 7 Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT.

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, được làm tròn đến hàng phần trăm.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét

tuyển của điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 phải đạt từ 15,00 điểm trở lên theo thang điểm 30.

2.3. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Mã phương thức: 301)

Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8), trong đó:

1. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế và thí sinh đạt giải trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

2. Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.

3. Đối tượng cử tuyển và đối tượng dự bị đại học.

4. Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành tại Trường nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển sẽ được Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên của Bộ GDĐT.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	400	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh: (D01) - Toán, Ngữ văn, Lịch sử: (C03) - Toán, Ngữ văn, Địa lí: (C04) - Toán, Ngữ văn, Vật lí: (C01) - Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL: (C14) - Toán, Ngữ văn, Sinh học - Toán, Ngữ văn, Hóa học	Toán
2	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	20	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	- Toán, Vật lí, Hóa học: (A00) - Toán, Vật lí, Tiếng Anh: (A01) - Toán, Vật lí, Sinh học: (A02) - Toán, Vật lí, Tin học: (X06) - Toán, Hóa học, Sinh học: (B00) - Toán, Hóa học, Tiếng Anh: (D07) - Toán, Sinh học, Tiếng Anh: (B08)	Toán
3	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	20	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	- Toán, Vật lí, Hóa học: (A00) - Toán, Vật lí, Tiếng Anh: (A01) - Toán, Vật lí, Sinh học: (A02) - Toán, Vật lí, Tin học: (X06) - Toán, Hóa học, Sinh học: (B00) - Toán, Hóa học, Tiếng Anh: (D07) - Toán, Sinh học, Tiếng Anh: (B08)	Toán

4	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	20	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	<ul style="list-style-type: none"> - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh: (D14) - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: (C00) - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL: (X70) - Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh: (D15) - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL: (X74) 	Ngữ văn
5	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	300	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026	<ul style="list-style-type: none"> - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh: (D14) - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: (C00) - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL: (X70) - Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL: (X74) - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh: (D01) - Ngữ văn, Toán, Lịch sử: (C03) - Ngữ văn, Toán, Địa lí: (C04) 	Ngữ văn
6	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	<ul style="list-style-type: none"> - Toán, Vật lí, Hóa học: (A00) - Toán, Vật lí, Tiếng Anh: (A01) - Toán, Vật lí, GDKT&PL: (A10) 	Toán
						KQ học tập cấp THPT đối với thí sinh TN trước năm 2026.	<ul style="list-style-type: none"> - Toán, Ngữ văn, Vật lí: (C01) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh: (D01) - Toán, Ngữ văn, Lịch sử: (C03) - Toán, Ngữ văn, Địa lí: (C04) 	
7	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	50	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	<ul style="list-style-type: none"> - Toán, Vật lí, Hóa học: (A00) - Toán, Vật lí, Tiếng Anh: (A01) - Toán, Vật lí, GDKT&PL: (A10) 	Toán
						KQ học tập cấp THPT đối với thí sinh TN trước năm 2026.	<ul style="list-style-type: none"> - Toán, Ngữ văn, Vật lí: (C01) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh: (D01) - Toán, Ngữ văn, Lịch sử: (C03) - Toán, Ngữ văn, Địa lí: (C04) 	

8	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	250	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh: (D01) - Toán, Ngữ văn, Lịch sử: (C03) - Toán, Ngữ văn, Địa lí: (C04)	Ngữ văn
						KQ học tập cấp THPT đối với thí sinh TN trước năm 2026.	- Toán, Ngữ văn, GDKT&PL: (X01) - Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL: (X70) - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí: (C00) - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh: (D14) - Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh: (D15)	
9	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	50	KQ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.	- Toán, Vật lí, Hoá học: (A00) - Toán, Vật lí, Tiếng Anh: (A01)	Toán
						KQ học tập cấp THPT đối với thí sinh TN trước năm 2026.	- Toán, Ngữ văn, Vật lí: (C01) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh: (D01) - Toán, Vật lí, Tin học: (X06) - Toán, Tiếng Anh, Tin học: (K01)	

Ghi chú: Trong tổ hợp đăng ký xét tuyển có môn tiếng Anh nếu thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.0 hoặc TOEFL iBT (không nhận bản Home Edition) từ 6.0 trở lên (trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ tính đến tháng 8/2026) được quy về thang điểm 10 để xét tuyển thay thế môn tiếng Anh như sau:

STT	IELTS	TOEFL iBT	Điểm quy đổi
1	7.0 trở lên	86 trở lên	10
2	6.5	79-85	9.5
3	6.0	70-78	9.0
4	5.5	65-69	8.5
5	5.0	60-64	8.0

5. Các thông tin cần thiết khác

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Điểm xét tuyển được xác định theo quy định, làm tròn đến hàng phần trăm và xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Trường hợp nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách, Trường áp dụng các tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên như sau:

UT 1. Thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

UT 2. Thí sinh có điểm môn chính trong tổ hợp của phương thức xét tuyển cao hơn.

UT 3. Đối với thí sinh xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh có điểm môn chính trong tổ hợp xét tuyển của kết quả học tập cấp THPT (điểm trung bình chung môn chính kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12) cao hơn. Đối với thí sinh xét tuyển bằng kết quả học tập cấp THPT: Thí sinh có điểm môn chính trong tổ hợp xét tuyển của điểm thi THPT cao hơn.

5.2. Điểm cộng: Trường không áp dụng.

5.3. Thông tin khác

- Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau nhưng phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất. Đối với các chương trình đào tạo giáo viên Trường chỉ xét tuyển đối với ở các nguyện vọng từ 01 đến 05.

- Đối với phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (mã phương thức 200), các tổ hợp có môn Giáo dục kinh tế và Pháp luật được thay thế với môn Giáo dục công dân theo chương trình giáo dục phổ thông 2006.

- Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đào tạo giáo viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cho Nhà trường và giao nhiệm vụ, đặt hàng của các địa phương, thí sinh trúng tuyển và nhập học các ngành đào tạo giáo viên nếu có nguyện vọng hưởng chế độ hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt phí theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ thì có đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn kinh phí theo quy định của Nhà nước. Đối với những sinh viên không có nguyện vọng hưởng chế độ hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt thì không phải nộp đơn đề nghị và sẽ nộp học phí theo quy định của Trường.

6. Tổ chức tuyển sinh

- Tuyển sinh đợt 1: Theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Theo kế hoạch của Bộ GDĐT, Trường sẽ có thông

báo trên trang thông tin tuyển sinh của trường.

7. Chính sách ưu tiên

Áp dụng chính sách ưu tiên chung (theo khu vực và theo đối tượng) theo Quy chế tuyển sinh (Điều 7).

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ GDĐT.

9. Việc thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường sẽ xem xét giải quyết mọi trường hợp khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh theo các quy định hiện hành.

10. Hỗ trợ giải đáp thắc mắc trong tuyển sinh chính quy

- Địa chỉ: *Bộ phận tuyển sinh, Trường Đại học Hoa Lư, Đường Xuân Thành, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.*

- Số điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: **0836785166 (cô Giang); 0938432640 (cô Quyên).**

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2024			Năm tuyển sinh 2025			Ghi chú
						Chi tiêu	Số thí sinh nhập học	Điểm trúng tuyển (đợt 1)	Chi tiêu	Số thí sinh nhập học	Điểm trúng tuyển (đợt 1)	
1	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển thẳng		0		100	1		LHS Lào
					KQ thi TN THPT	46	26.62	0				
					KQ thi TN THPT kết hợp thi NK	14	26.62	102		22.88		
					KQ học tập cấp THPT	18	26.64	0				
					KQ học tập cấp THPT kết hợp thi NK	0	26.64	0				
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Kết quả thi TN THPT	150	123	27.20	200	209	23.00	
					Kết quả học tập (học bạ)		27	27.97		0		
3	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Kết quả thi TN THPT	20	4	26.03	20	18	24.02	
					Kết quả học tập (học bạ)		16	27.75		0		

4	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Kết quả thi TN THPT	0			20	17	20.10	
					Kết quả học tập (học bạ)					0		
5	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Kết quả thi TN THPT	0			20	19	27.07	
					Kết quả học tập (học bạ)					0		
6	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Tuyển thẳng	90	39	16	95	3		LHS Lào
					Kết quả thi TN THPT					42	16.00	
					Kết quả học tập (học bạ)					53	16.00	
7	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Tuyển thẳng	40	13	16	60	4		LHS Lào
					Kết quả thi TN THPT					32	16.00	
					Kết quả học tập (học bạ)					27	16.00	
8	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	Kết quả thi TN THPT	100	76	16	220	106	18.00	
					Kết quả học tập (học bạ)					114	18.00	
9	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Tuyển thẳng	50	6	16	70	2		LHS Lào
					Kết quả thi TN THPT					13	16.00	
					Kết quả học tập (học bạ)					23	16.00	

Cán bộ tuyển sinh

Vũ Thị Quyên, SĐT: 0938432640
 Phòng Đào tạo - Khoa học, Đường Xuân
 Thành, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
 Email: vtquyen@hluv.edu.vn

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường